

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 2329/QĐ-BXD ngày 16/5/2005 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An thành Công ty cổ phần.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100503295 ngày 05/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 23/12/2016 với tổng số vốn điều lệ: 85.500.000.000 đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: IDICO - Long An Investment Construction Joint Stock Company.

Trụ sở chính: Số 88, quốc lộ 1 (tuyến tránh), phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Phan Văn Chung	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Xuân Tiến	Ủy viên
	Ông Lâm Minh Châu	Ủy viên
	Ông Nguyễn Đức Tiến	Ủy viên
	Ông Nguyễn Phước Sơn	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 08/11/2019)
	Ông Võ Bình	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 08/11/2019)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Xuân Tiến	Giám đốc
	Ông Phạm Văn Lộc	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Tấn Hiền	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Số: 117/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO, được lập ngày 27/02/2020, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lưu Minh Tới**Phó Giám đốc Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

Giấy Ủy quyền số: 06/2020/ UQCN-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Phan Thị Xuân Diệu**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2742-2020-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		257.677.943.862	240.948.997.999
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.825.053.602	23.324.898.392
1. Tiền	111		6.825.053.602	13.121.545.349
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.203.353.043
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.331.128.766	68.585.450.594
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	9.331.128.766	68.585.450.594
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.176.737.406	36.825.778.072
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	30.469.140.376	23.107.126.790
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.900.671.800	1.260.795.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	5.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.725.599.898	9.303.847.522
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(918.674.668)	(1.845.991.240)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	190.502.683.038	105.131.904.915
1. Hàng tồn kho	141		190.502.683.038	105.131.904.915
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		842.341.050	7.080.966.026
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	842.341.050	7.028.961.358
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	52.004.668
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		155.002.997.788	153.922.247.256
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	155.747.195
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	-	155.747.195
II Tài sản cố định	220		17.803.723.265	19.742.103.959
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	15.132.683.367	17.071.064.061
- Nguyên giá	222		37.080.339.540	37.080.339.540
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.947.656.173)	(20.009.275.479)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	2.671.039.898	2.671.039.898
- Nguyên giá	228		2.671.039.898	2.671.039.898
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		130.449.274.523	127.274.396.102
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	130.449.274.523	127.274.396.102
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.750.000.000	6.750.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	6.750.000.000	6.750.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		412.680.941.650	394.871.245.255

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		274.260.115.658	272.621.951.013
I- Nợ ngắn hạn	310		120.005.283.513	92.489.964.924
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	11.049.850.943	16.570.916.636
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.164.149.947	19.127.274.526
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.584.512.623	4.442.043.748
4. Phải trả người lao động	314		2.551.580.330	2.864.192.690
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	16.952.585
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	24.548.931.123	24.096.417.414
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	50.117.119.339	24.173.295.208
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		989.139.208	1.198.872.117
II- Nợ dài hạn	330		154.254.832.145	180.131.986.089
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		131.957.695.830	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	7.897.136.315	151.131.986.089
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	14.400.000.000	29.000.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		138.420.825.992	122.249.294.242
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	138.420.825.992	122.249.294.242
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		85.500.000.000	85.500.000.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.500.000.000	85.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.000.000.000	9.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.042.907.420	1.042.907.420
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.097.884.824	20.650.884.824
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.780.033.748	6.055.501.998
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		1.413.501.998	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		18.366.531.750	6.055.501.998
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		412.680.941.650	394.871.245.255

Long An, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Toàn

Phạm Quốc Tài

Nguyễn Xuân Tiên



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	155.387.446.045	173.570.027.671
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	155.387.446.045	173.570.027.671
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	108.181.489.172	132.570.014.296
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		47.205.956.873	41.000.013.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	4.426.206.679	9.241.705.597
7. Chi phí tài chính	22	5.21	1.586.013.369	721.463.876
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.586.013.369	721.463.876
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	10.477.545.857	11.996.257.789
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	16.751.765.711	16.005.388.958
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		22.816.838.615	21.518.608.349
11. Thu nhập khác	31	5.24	515.592.044	812.795.926
12. Chi phí khác	32	5.24	374.265.972	45.809.852
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		141.326.072	766.986.074
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		22.958.164.687	22.285.594.423
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	4.591.632.937	5.970.092.425
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		18.366.531.750	16.315.501.998
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	1.867	1.652

Người lập

Kế toán trưởng

Long An, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Giám đốc

Nguyễn Đức Toàn

Phạm Quốc Tài

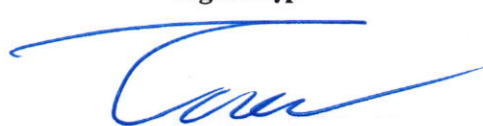
Nguyễn Xuân Tiến



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	22.958.164.687	22.285.594.423
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	1.938.380.694	2.009.342.636
- Các khoản dự phòng	3	(24.041.367)	(1.075.854.572)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(4.426.206.679)	(9.241.705.597)
- Chi phí lãi vay	6	1.586.013.369	721.463.876
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	22.032.310.704	14.698.840.766
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9	(18.119.166.104)	(10.470.047.533)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(85.370.778.123)	33.727.802.757
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(2.390.596.990)	(3.099.330.239)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	6.186.620.308	3.438.352.550
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.586.013.369)	(721.463.876)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.653.455.425)	(4.386.184.185)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.841.732.909)	(2.369.096.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(87.742.811.908)	30.818.873.941
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	(1.501.617.273)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(26.085.450.594)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	64.254.321.828	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.426.206.679	9.241.705.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	68.680.528.507	(8.345.362.270)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	54.900.715.188	12.146.100.196
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(43.556.891.057)	(20.727.274.950)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.781.385.520)	(11.980.127.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.562.438.611	(20.561.302.514)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(16.499.844.790)	1.912.209.157
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.324.898.392	21.412.689.235
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.825.053.602	23.324.898.392

Người lập



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Phạm Quốc Tài

Long An, ngày 27 tháng 02 năm 2020



Giám đốc



Nguyễn Xuân Tiến

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 2329/QĐ-BXD ngày 16/05/2005 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Đầu tư và Xây dựng Long An thành Công ty cổ phần.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100503295 ngày 05/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 23/12/2016 với tổng vốn điều lệ: 85.500.000.000 đồng.

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ
1. Tổng công ty IDICO - CTCP	4.360.500	43.605.000.000	51,00%
2. Vốn của cổ đông khác	4.189.500	41.895.000.000	49,00%
Tổng	8.550.000	85.500.000.000	100,00%

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: IDICO - Long An Investment Construction Joint Stock Company.

Trụ sở chính: Số 88, quốc lộ 1 (tuyến tránh), phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Số lao động bình quân trong năm 2019: 112 người (năm 2018: 204 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ. Thiết kế công trình xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh khoáng sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống điện. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hoá.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2019: Xây lắp dân dụng; sản xuất công nghiệp vật liệu xây dựng; kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, dịch vụ tư vấn đầu tư, xây dựng; kinh doanh bất động sản; đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp.

1.3 Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO - Nhà máy Vật liệu Xây dựng Tuynel Đức Hòa được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 02/01/2006 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 5013000114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 10/4/2006. Địa chỉ: xã Lộc Giang, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO - Xí nghiệp khai thác và kinh doanh Vật liệu Xây dựng IDICO - LINCO được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 29/10/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An - IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 1100503295-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 24/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/04/2016. Địa chỉ: Số 88, Quốc lộ 1 (Tuyến tránh), phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO - Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư IDICO - LINCO được thành lập và hoạt động Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 1100503295-006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 20/05/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01/11/2016. Địa chỉ: Số 88, Quốc lộ 1 (Tuyến tránh), phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO - Ban Quản lý dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6 - Thành phố Tân An được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 15/03/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đơn vị phụ thuộc số 1100503295-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 19/03/2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22/01/2016. Địa chỉ: Số 88, Quốc lộ 1 (Tuyến tránh), phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO, thành lập và hoạt động theo Quyết định số 95/QĐ-HĐQT ngày 17/09/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 1100503295-007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2014. Địa chỉ: Số 258/20 Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.
Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	06 - 12
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 02 đến 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

-4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong năm 2019, có 3.145.584.902 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế. Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng; xây lắp; đầu tư, kinh doanh bất động sản; hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	851.894.534	423.671.583
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.973.159.068	12.697.873.766
Các khoản tương đương tiền	-	10.203.353.043
Tổng	6.825.053.602	23.324.898.392

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	9.331.128.766	9.331.128.766	68.585.450.594	68.585.450.594
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Long An	-	-	28.242.666.667	28.242.666.667
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Bến Lức	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà TP HCM - Chi nhánh Long An	-	-	7.991.792.446	7.991.792.446
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín- PGD Tân An	5.185.506.849	5.185.506.849	15.350.991.481	15.350.991.481
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn- Chi nhánh Long An	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Phan Đăng Lưu	2.070.416.438	2.070.416.438	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Long An	2.075.205.479	2.075.205.479	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	9.331.128.766	9.331.128.766	68.585.450.594	68.585.450.594

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất từ 6,9%/năm đến 7,5%/năm.

5.3 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30.469.140.376	23.107.126.790
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Khánh Khoa - Long An	2.499.866.541	3.603.999.661
Tổng Công ty IDICO - CTCP	1.301.627.719	4.385.706.469
Công ty TNHH TM DV XNK Hoàng Huy	3.593.292.999	1.296.802.600
Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát	3.763.325.450	1.860.283.300
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	3.046.722.599	4.480.336.049
Ban quản lý dự án CT giao thông LA	4.748.685.000	-
Phải thu khách hàng khác	11.515.620.068	7.479.998.711
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	30.469.140.376	23.107.126.790
Trong đó số dư các bên liên quan:		
Tổng Công ty IDICO - CTCP	1.301.627.719	4.385.706.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.725.599.898	918.674.668	9.303.847.522	918.674.668
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 10 IDICO	918.674.668	918.674.668	918.674.668	918.674.668
- Tổng công ty IDICO - CTCP	1.705.570.783	-	1.705.570.783	-
- Thủ lao hội đồng quản trị, BKS	300.000.000	-	300.000.000	-
- Phải thu khác	115.906.964	-	962.437.772	-
- Tạm ứng	5.585.447.483	-	5.267.164.299	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	150.000.000	-
b) Dài hạn	-	-	155.747.195	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	155.747.195	-
Tổng	8.725.599.898	918.674.668	9.459.594.717	918.674.668

5.5 Nợ xấu

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
DNTN Phước Thọ	-	-	86.564.696	-
Công ty TNHH-MTV Đại Tấn Lợi	-	-	227.593.648	-
Công ty TNHH Hồng Anh	-	-	613.158.228	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 10 IDICO	918.674.668	-	918.674.668	-
Tổng	918.674.668	-	1.845.991.240	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		918.674.668		1.845.991.240
	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 10 IDICO				918.674.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	138.172.270	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	2.977.410	-
Chi phí SX KDDD	10.524.118.357	-	13.677.295.847	-
Thành phẩm (*)	179.683.950.845	-	90.629.538.480	-
Hàng hóa VLXD	294.613.836	-	683.920.908	-
Tổng	190.502.683.038	-	105.131.904.915	-

(*) Giá trị tồn kho thành phẩm bất động sản tại ngày 31/12/2019 tương ứng với diện tích 66.584,63 m2 thuộc dự án Phường 6 mở rộng

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09-DN

Đơn vị tính: VND

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2019 là 8.196.370.567 VND (tại ngày 31/12/2018: 7.347.917.843 VND).

11/1/2000 10:11 AM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Giá trị tài sản vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 88, Quốc lộ 1 (tuyệt tránh), phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An với diện tích 920,5 m2, không thực hiện trích khấu hao.

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án KDC Trung tâm phường 6 mở rộng	-	-	88.739.571.190	88.739.571.190
Dự án mở sét	-	-	300.577.183	300.577.183
Dự án mặt bằng khu xử lý nước thải	144.167.400	144.167.400	144.167.400	144.167.400
Dự án KDC Trung tâm phường 6	-	-	5.588.159.755	5.588.159.755
Khu dân cư, nhà ở Công nhân Khu công nghiệp Hựu Thạnh	130.305.107.123	130.305.107.123	32.501.920.574	32.501.920.574
Tổng	130.449.274.523	130.449.274.523	127.274.396.102	127.274.396.102

5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty con	Tỷ lệ		31/12/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			6.750.000.000	-	-	6.750.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Khai thác Hạng Phúc (*)	7,5%	7,5%	6.750.000.000	-	-	6.750.000.000	-	-
Tổng			6.750.000.000	-	-	6.750.000.000	-	-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư chưa Niêm yết đối với Công ty Cổ phần Khai thác Hạng Phúc để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá Niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****5.11 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	842.341.050	7.028.961.358
Chi phí môi giới, tiếp thị dự án KDC Trung tâm Mở rộng, phường 6 (*)	842.341.050	7.028.961.358
b) Dài hạn	-	-
Tổng	842.341.050	7.028.961.358

(*) Đây là chi phí môi giới, tiếp thị khi thực hiện chuyển nhượng các lô đất dự án Khu dân cư Trung tâm Mở rộng, phường 6. Mức phân bổ không vượt quá 15% doanh thu trong năm căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	11.049.850.943	11.049.850.943	16.570.916.636	16.570.916.636
Công ty Cổ phần XD	-	-	537.770.231	537.770.231
Công trình Giao thông 674	-	-		
Công ty Cổ phần Kim Khí TPHCM-CN Miền Tây	-	-	1.519.296.442	1.519.296.442
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	1.694.130.366	1.694.130.366	2.066.021.416	2.066.021.416
DNTN Đại Thành	1.093.540.892	1.093.540.892	2.460.857.260	2.460.857.260
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Minh Quân	-	-	3.574.716.500	3.574.716.500
Phải trả các đối tượng khác	8.262.179.685	8.262.179.685	6.412.254.787	6.412.254.787
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	11.049.850.943	11.049.850.943	16.570.916.636	16.570.916.636
Trong đó số dư bên liên quan	492.270.855	492.270.855	641.348.642	641.348.642
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	-	-	523.336.000	523.336.000
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hoà	118.012.642	118.012.642	118.012.642	118.012.642

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019 (VND)
Phải nộp	4.442.043.748	21.349.540.611	23.207.071.736	2.584.512.623
Thuế giá trị gia tăng	-	13.634.819.832	13.340.503.327	294.316.505
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.199.530.425	4.591.632.937	6.653.455.425	2.137.707.937
Thuế thu nhập cá nhân	242.513.323	435.718.951	525.744.093	152.488.181
Thuế đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất	-	632.044.782	632.044.782	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.044.324.109	2.044.324.109	-
Phải thu	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN****5.14 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	24.548.931.123	24.096.417.414
Nhận ký quỹ ký cược	18.322.000.000	8.522.000.000
Các Đội xây dựng	1.501.544.561	1.265.427.685
Bồi thường GPMB	3.653.951.000	3.653.951.000
Cổ tức phải trả	546.894.720	9.065.280.240
Chi phí đo đạc khu DC - KCN Hựu Thạnh	374.258.213	-
Tạm thu 2% thuế TNCN chuyển nhượng bất động sản	150.282.629	1.589.758.489
b) Dài hạn	7.897.136.315	151.131.986.089
Ký quỹ Mô sét , Nhà máy VLXD Tuynel	600.000.000	600.000.000
Đức Hoà		
Tổng công ty IDICO - CTCP	7.297.136.315	7.297.136.315
Khách hàng góp vốn dự án KDC TT Mở rộng Phường 6	-	143.234.849.774
Tổng	32.446.067.438	175.228.403.503

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2019 (VND)		Trong năm		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay nợ và thuê tài chính ngắn hạn	50.117.119.339	50.117.119.339	69.500.715.188	43.556.891.057	24.173.295.208	24.173.295.208
Vay nợ ngắn hạn	35.517.119.339	35.517.119.339	54.900.715.188	26.369.696.045	6.986.100.196	6.986.100.196
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long An (*)	35.517.119.339	35.517.119.339	43.200.715.188	14.669.696.045	6.986.100.196	6.986.100.196
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Long An	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - CN Long An	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	17.187.195.012	17.187.195.012	17.187.195.012
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long An	-	-	-	2.587.195.012	2.587.195.012	2.587.195.012
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An (**)	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000
b) Vay dài hạn	14.400.000.000	14.400.000.000	-	14.600.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
- Từ 12 tháng - 60 tháng	14.400.000.000	14.400.000.000	-	14.600.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Long An (**)	14.400.000.000	14.400.000.000	-	14.600.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
Tổng	64.517.119.339	64.517.119.339	69.500.715.188	58.156.891.057	53.173.295.208	53.173.295.208

(*) **Vay ngắn hạn thể hiện:** Hợp đồng vay ngắn hạn giữa Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An - IDICO theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/HĐTD, ngày 10/06/2019, hạn mức 45.000.000.000 đồng để đảm bảo vốn lưu động cho hoạt động SXKD trong kỳ của Công ty. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ của lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ đến ngày 31/12/2019 là 35.517.119.339 đồng.

(**) Công ty ký 3 hợp đồng vay dài hạn Quỹ Đầu Tư Phát Triển tỉnh Long An:

Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD, ngày 14/3/2016. Giá trị 20.000.000.000 đồng. Thời gian vay 4 năm. Thời gian ân hạn 1 năm. Lãi suất 8,2%/năm. Mục đích vay tiền để đầu tư Dự án KDC Trung tâm mở rộng phường 6 Kỳ hạn trả nợ: 3 tháng/lần, mức trả nợ trong mỗi kỳ: 1.150.000.000 đồng. Thời điểm bắt đầu trả nợ: Sau 1 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu. Dư nợ đến ngày 31/12/2019 là 5.500.000.000 đồng.

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 03/2017/HĐTD, ngày 08 /2/2017. Giá trị 18.500.000.000 đồng. Thời gian vay 4 năm. Thời gian ân hạn 1 năm. Lãi suất 8,2%/năm. Mục đích vay tiền để đầu tư Dự án KDC Trung tâm mở rộng phường 6 Kỳ hạn trả nợ: 3 tháng/lần, mức trả nợ trong mỗi kỳ: 1.250.000.000 đồng. Thời điểm bắt đầu trả nợ: Sau 1 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu. Dư nợ đến ngày 31/12/2019 là: 8.500.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 41/2017/HĐTD, ngày 13/12/2017. Giá trị 20.000.000.000 đồng. Thời gian vay 4 năm. Thời gian ân hạn 1 năm. Lãi suất 8,2%/năm. Mục đích vay tiền để đầu tư Dự án KDC Trung tâm mở rộng phường 6 Kỳ hạn trả nợ: 3 tháng/lần, mức trả nợ trong mỗi kỳ: 1.250.000.000 đồng. Thời điểm bắt đầu trả nợ: Sau 1 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu. Dư nợ đến ngày 31/12/2019 là 15.000.000.000 đồng.

Các khoản vay tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Long An được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp:

Số 01/2014/HĐSĐBSTCQSĐĐ-QĐTPT thế chấp Quyền sử dụng đất diện tích 2.731 m2 với tổng giá trị tài sản đảm bảo: 23.350.050.000 đồng.

Số 01/2016/HĐSĐBSTCQSĐĐ-QĐTPT, Phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 2 số 04/2017/HĐSĐBSTCQSĐĐ-QĐTPT ngày 14/04/2017 thế chấp Quyền sử dụng đất với tổng giá trị tài sản đảm bảo: 55.515.900.000 đồng.

Số 01/2017/HĐSĐBSTCQSĐĐ-QĐTPT, ngày 13/12/2017 thế chấp Quyền sử dụng đất với tổng giá trị tài sản đảm bảo: 13.250.400.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	11.590.382.628	21.260.502.196	128.393.792.244
Tăng trong năm	-	-	-	9.060.502.196	16.315.501.998	25.376.004.194
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	16.315.501.998	16.315.501.998
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.060.502.196	-	9.060.502.196
Giảm trong năm	-	-	-	-	31.520.502.196	31.520.502.196
Chia cổ tức	-	-	-	-	10.260.000.000	10.260.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	9.060.502.196	9.060.502.196
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	-	-	10.260.000.000	10.260.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	1.444.000.000	1.444.000.000
Trích quỹ thưởng HĐQT, BĐH	-	-	-	-	196.000.000	196.000.000
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Số dư tại 31/12/2018	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	20.650.884.824	6.055.501.998	122.249.294.242
Số dư tại 01/01/2019	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	20.650.884.824	6.055.501.998	122.249.294.242
Tăng trong năm	-	-	-	2.447.000.000	18.366.531.750	20.813.531.750
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	18.366.531.750	18.366.531.750
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.447.000.000	-	2.447.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.642.000.000	4.642.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	2.447.000.000	2.447.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	1.632.000.000	1.632.000.000
Trích quỹ thưởng HĐQT, BĐH (*)	-	-	-	-	263.000.000	263.000.000
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát (*)	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Số dư tại 31/12/2019	85.500.000.000	9.000.000.000	1.042.907.420	23.097.884.824	19.780.033.748	138.420.825.992

(*) Công ty phân phối lợi nhuận căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2019, theo đó, Công ty chia cổ tức với tỷ lệ 12% trên vốn điều lệ; trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10% trên lợi nhuận sau thuế và trích quỹ Đầu tư phát triển 15% trên lợi nhuận sau thuế năm 2018. Quỹ thưởng và thù lao Ban điều hành, Ban kiểm soát là 563.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
1. Tổng công ty IDICO - CTCP	43.605.000.000	43.605.000.000
2. Vốn của cổ đông khác	41.895.000.000	41.895.000.000
Tổng	85.500.000.000	85.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	85.500.000.000	85.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	85.500.000.000	85.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	20.520.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.550.000	8.550.000
Cổ phiếu phổ thông	8.550.000	8.550.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 (VND / Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ Công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.097.884.824	20.650.884.824
Tổng	23.097.884.824	20.650.884.824

5.17 Khoản mục ngoài bảng trên bảng cân đối kế toán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	5.902.413.023	4.999.137.818
Tổng	5.902.413.023	4.999.137.818

5.18 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu của hàng hóa đã bán	59.844.376.578	59.892.110.315
Doanh thu kinh doanh bất động sản	68.147.990.022	80.427.354.325
Doanh thu xây lắp	23.523.217.630	29.441.174.486
Doanh thu dịch vụ tư vấn	2.431.861.815	2.369.388.545
Doanh thu khác (khai thác sét, cho thuê Nhà máy)	1.440.000.000	1.440.000.000
Tổng	155.387.446.045	173.570.027.671
Doanh thu thuần	155.387.446.045	173.570.027.671

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	57.812.237.767	57.068.873.030
Giá vốn kinh doanh bất động sản	25.676.854.686	44.961.293.204
Giá vốn xây lắp	21.885.938.224	27.747.937.045
Giá vốn dịch vụ tư vấn	2.130.594.029	2.079.243.961
Giá vốn khác	675.864.466	712.667.056
Tổng	108.181.489.172	132.570.014.296

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.426.206.679	9.241.705.597
Tổng	4.426.206.679	9.241.705.597

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.586.013.369	721.463.876
Tổng	1.586.013.369	721.463.876

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B.09-DN

5.22 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	2.468.081.602	2.908.092.219
Chi phí chiết khấu, hoa hồng, môi giới, khuyến mãi	6.186.620.308	6.292.507.278
Chi phí khấu hao TSCĐ	447.898.824	518.697.846
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	48.269.721	66.161.307
Chi phí nguyên vật liệu và dụng cụ sản xuất	87.905.601	783.434.868
Chi phí bằng tiền khác	1.238.769.801	1.427.364.271
Tổng	10.477.545.857	11.996.257.789

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.420.510.905	10.857.920.387
Chi phí vật liệu quản lý	827.760.690	760.591.522
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.458.164	289.335.638
Chi phí khấu hao TSCĐ	822.884.814	823.047.734
Thuế phí và lệ phí	648.708.882	223.861.914
Chi phí dự phòng	(24.041.367)	149.703.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	909.776.591	1.378.186.076
Chi phí bằng tiền khác	1.976.707.032	1.522.742.648
Tổng	16.751.765.711	16.005.388.958

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Thu hồi nợ khó đòi	38.764.207	18.025.861
Thu thanh lý tài sản, vật tư	5.000.000	-
Thu cho thuê mặt bằng	160.000.000	-
Thu phí chuyển nhượng hợp đồng	311.827.837	791.546.063
Các khoản khác	-	3.224.002
Tổng	515.592.044	812.795.926
Chi phí khác		
Phần giảm DT công trình đã QT (Thanh tra)	370.201.818	33.030.000
Chi xử lý kết quả kiểm kê	4.064.154	12.779.852
Tổng	374.265.972	45.809.852
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	141.326.072	766.986.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.958.164.687	22.285.594.423
- Hoạt động kinh doanh BĐS	18.810.243.632	11.027.024.943
- Hoạt động kinh doanh khác	4.147.921.055	11.258.569.480
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	-	7.564.867.700
Phạt về thuế chậm nộp	-	7.564.867.700
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	22.958.164.687	29.850.462.123
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.591.632.937	5.970.092.425
Thuế TNDN hiện hành	4.591.632.937	5.970.092.425

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.366.531.750	16.315.501.998
Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao HĐQT và BKS (*)	(2.400.000.000)	(2.195.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.966.531.750	14.120.501.998
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	8.550.000	8.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)	1.867	1.652

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4 / 2019, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 với tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế năm 2018. Theo đó, ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 là 1.837.000.000 đồng và thù lao HĐQT và BKS là 563.000.000 đồng, số tiền này có thể thay đổi sau khi được Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao HĐQT và BKS thực tế được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/ 2019. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 giảm từ 1.686 VND xuống 1.652 VND.

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.706.451.507	86.049.133.298
Chi phí nhân công	15.052.492.896	18.363.454.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.437.682.902	2.009.342.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.437.365.258	9.622.478.586
Chi phí khác bằng tiền	15.543.344.027	3.878.058.153
Tổng	98.177.336.590	119.922.467.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất</u>	<u>Năm 2019 VND</u>	<u>Năm 2018 VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	Lương, thưởng và thù lao	3.405.857.983	2.862.225.060

Giao dịch mua bán với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất</u>	<u>Năm 2019 VND</u>	<u>Năm 2018 VND</u>
Giao dịch bán				
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	Bán hàng hóa	-	69.662.727
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	Cung cấp dịch vụ	-	148.300.000
Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Chuyển nhượng dự án và khối lượng xây lắp	25.225.838.167	28.344.992.838
Tổng			25.225.838.167	28.562.955.565

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất</u>	<u>Năm 2019 VND</u>	<u>Năm 2018 VND</u>
Giao dịch khác				
Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Cổ tức	5.232.600.000	10.465.200.000
Tổng			5.232.600.000	10.465.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục số dư	Tính chất	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng công ty IDICO - CTCP	Phải thu khác	Chuyển nhượng dự án	1.705.570.783	1.705.570.783
	Phải thu khách hàng	Khối lượng xây lắp	1.301.627.719	4.385.706.469
Công ty Cổ phần ĐTXD Số 10 IDICO	Phải thu khác	Tiền lãi cho vay	918.674.668	918.674.668
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hòa	Phải thu khách hàng	Dịch vụ tư vấn	8.221.248	8.221.248
Tổng			3.934.094.418	7.018.173.168

Bên liên quan	Khoản mục số dư	Tính chất	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng công ty IDICO - CTCP	Phải trả khác	Chi phí dự án KDC F6	7.297.136.315	7.297.136.315
	Phải trả khác	Chi phí đo đạc	374.258.213	-
	Phải trả khác	Cổ tức	-	5.232.600.000
	Phải trả khác	Tạm ứng tiền thi công	28.381.076.714	4.206.608.631
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Phải trả người bán	KLXL hoàn thành	-	523.336.000
Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng An Hoà	Phải trả người bán	Dịch vụ tư vấn	118.012.642	118.012.642
Tổng			36.170.483.884	17.377.693.588

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

	Nhà máy VLXD Tuynel Đức Hoà	Xí nghiệp Khai thác và KD VLXD	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
Tổng doanh thu	1.440.000.000	59.892.110.315	29.441.174.486	80.427.354.325	2.369.388.545	173.570.027.671
Kết quả kinh doanh bộ phận	538.926.623	1.469.867.317	755.221.209	11.027.024.943	126.001.204	13.917.041.296
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	538.926.623	1.469.867.317	755.221.209	11.027.024.943	(792.673.464)	12.998.366.628
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	191.486.105	-	7.564.867.700	1.485.351.792	9.241.705.597
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(721.463.876)	(721.463.876)
Kết quả thu nhập khác	-	-	-	-	766.986.074	766.986.074
Lợi nhuận kế toán trước thuế	538.926.623	1.661.353.422	755.221.209	18.591.892.643	738.200.526	22.285.594.423
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(5.970.092.425)
Lợi nhuận trong năm	538.926.623	1.661.353.422	755.221.209	18.591.892.643	738.200.526	16.315.501.998

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

	Nhà máy VLXD Tuynel Đức Hoà	Xí nghiệp Khai thác và KD VLXD	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	1.195.986.894	420.168.361	193.972.784	17.895.488.555	-	19.705.616.594
Xây dựng cơ bản dở dang	444.744.583	-	-	83.440.722.701	-	83.885.467.284
Các khoản phải thu	-	6.346.668.391	3.194.390.889	10.083.106.274	203.816.848	19.827.982.402
Hàng tồn kho	-	1.292.117.249	10.050.821.128	127.397.966.216	118.803.079	138.859.707.672
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	132.592.471.303
Tổng tài sản						394.871.245.255
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	-	2.727.837.294	4.433.408.077	162.238.534.674	64.593.000	169.464.373.045
Phải trả tiền vay	-	-	-	61.754.469.962	-	61.754.469.962
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	41.403.108.006
Tổng nợ phải trả						272.621.951.013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LONG AN - IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

	Nhà máy VLXD Tuynel Đức Hoà	Xí nghiệp Khai thác và KD VLXD	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
Tổng doanh thu	1.440.000.000	59.844.376.578	23.523.217.630	68.147.990.022	2.431.861.815	155.387.446.045
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	521.795.971	712.703.596	358.525.046	18.943.836.338	(560.215.646)	19.976.645.305
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	376.247.244	-	-	4.049.959.435	4.426.206.679
Chi phí tài chính	-	(63.125.937)	-	-	(1.522.887.432)	(1.586.013.369)
Kết quả thu nhập khác	-	180.935.846	-	-	(39.609.774)	141.326.072
Lợi nhuận kế toán trước thuế	521.795.971	1.206.760.749	358.525.046	18.943.836.338	1.927.246.583	22.958.164.687
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(4.591.632.937)
Lợi nhuận trong năm						18.366.531.750

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

	Nhà máy VLXD Tuynel Đức Hoà	Xí nghiệp Khai thác và KD VLXD	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Khác	Tổng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	547.832.433	199.759.526	-	17.056.131.306	-	17.803.723.265
Xây dựng cơ bản dở dang	144.167.400	-	-	130.305.107.123	-	130.449.274.523
Các khoản phải thu	-	18.499.524.225	18.429.063.217	11.196.956.158	2.051.193.806	50.176.737.406
Hàng tồn kho	-	294.613.836	-	189.982.493.106	225.576.096	190.502.683.038
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	23.748.523.418
Tổng tài sản						412.680.941.650
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	-	17.666.004.084	29.613.247.556	143.433.323.987	19.030.420.692	209.742.996.319
Phải trả tiền vay	-	35.517.119.339	-	29.000.000.000	-	64.517.119.339
Tổng nợ phải trả						274.260.115.658

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.825.053.602	23.324.898.392
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.590.618.123	25.147.818.773
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.331.128.766	68.585.450.594
Tổng	48.746.800.491	117.058.167.759
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	64.517.119.339	53.173.295.208
Phải trả người bán và phải trả khác	43.495.918.381	191.799.320.139
Tổng	108.013.037.720	244.972.615.347

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	35.598.782.066	7.897.136.315	43.495.918.381
Các khoản vay	50.117.119.339	14.400.000.000	64.517.119.339
Tổng	85.715.901.405	22.297.136.315	108.013.037.720
Tại 01/01/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	40.667.334.050	151.131.986.089	191.799.320.139
Các khoản vay	24.173.295.208	29.000.000.000	53.173.295.208
Tổng	64.840.629.258	180.131.986.089	244.972.615.347

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.825.053.602	-	6.825.053.602
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.590.618.123	-	32.590.618.123
Đầu tư tài chính khác	9.331.128.766	-	9.331.128.766
Tổng	48.746.800.491	-	48.746.800.491
Tại 01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.324.898.392	-	23.324.898.392
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.147.818.773	-	25.147.818.773
Đầu tư tài chính khác	68.585.450.594	-	68.585.450.594
Tổng	117.058.167.759	-	117.058.167.759

6.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Long An, ngày 27 tháng 02 năm 2020
 Giám đốc

Nguyễn Đức Toàn

Phạm Quốc Tài

Nguyễn Xuân Tiến

CPA VIETNAM

A member of  **MOORE** *Members in principal cities throughout the world*

Moore Global Network Limited, registered in England and Wales with registered number 221527.

A list of directors names is available at the company's registered Office and principal place of business:
150 Aldersgate Street, London EC 1A 4AB, England, U.K.

Tel: +44 (0) 20 7334 9191, Fax: +44 (0) 20 7651 1637

www.moore-global.com

CPA VIETNAM was established in Hanoi, Vietnam more than a decade ago, CPA VIETNAM is a member firm of Moore Global Network Limited and managed by Moore Asia Pacific (MSAP).

Head office and principal place of business: 8th floor, VG office building, No 235 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.

Tel: + 84 (24) 3 783 2121, Fax: + 84 (24) 3 783 2122

www.cpavietnam.vn